

Số: 06/TB-AP

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
**Về việc bán đấu giá Quyền sử dụng 41 lô đất ở tại thôn Quảng Thắng, Quảng
Cộng, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa**

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát. Địa chỉ: Lô 1 + 2 Nơ 7, Mặt bằng 2125, phố Phạm Cuồng, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá.

2. Tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị, người có tài sản đấu giá: -

- Tên cơ quan có tài sản đấu giá: UBND xã Thạch Quảng.
- Địa chỉ: Thôn Phố, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.

3. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- Tên đơn vị: Phòng Kinh tế, UBND xã Thạch Quảng.
- Địa chỉ: Thôn Phố, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.

4. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 41 lô đất ở tại thôn Quảng Thắng, Quảng Cộng, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.

- Nơi có tài sản: tại thôn Quảng Thắng, Quảng Cộng, xã Thạch Quảng.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Mục đích đấu giá: Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế.

5. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ đấu giá:

- Giá khởi điểm: Từ 424.866.000 đồng - đến 1.750.460.400 đồng/lô.
- Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 100.000 đồng/01 hồ sơ đến 200.000 đồng/01 hồ sơ (Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được hoàn trả lại trừ trường hợp Pháp luật có quy định).

5. Tiền đặt trước: Từ 212.433.000 đồng – đến 875.230.000 đồng /01 hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

6. Cách thức nộp tiền đặt trước:



Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản số: **3501231236666** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Hạc Thành, Thanh Hoá.

Tên Tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát.

Thời gian nộp: Từ 07h00 phút ngày 13/04/2026 đến 17h00 ngày 05/05/2026

***Nội dung:** Họ tên người nộp tiền - CC/CCCD nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất với ... lô đất, xã Thạch Quảng. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A 0389999999 nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất với 06 lô đất xã Thạch Quảng.

Khách hàng phải nộp đủ số tiền đặt trước theo quy định và đảm bảo báo có trong tài khoản nêu trên của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát **chậm nhất đến 17h00 phút ngày 05/05/2026. Nếu đến thời hạn nêu trên, người tham gia đấu giá chưa nộp, nộp chưa đủ, chưa báo có hoặc báo có chưa đủ số tiền đặt trước vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát thì không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.*

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá 01 (một) vòng, bỏ phiếu kín trực tiếp tại phiên đấu giá đồng loạt cho 41 lô đất.
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

8. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá (Trong giờ hành chính).

- Thời gian: Từ ngày 22/04/2026 đến ngày 24/04/2026.
- Địa điểm: Tại thực địa khu đất đấu giá tại thôn Quảng Thắng, Quảng Cộ, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa

9. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, thu hồ sơ (Trong giờ hành chính):

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ:
 - + Tại UBND xã Thạch Quảng: Từ 07h00 ngày 13/04/2026 đến 17h00 ngày 05/05/2026.
 - + Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát: Từ 07h00 ngày 13/04/2026 đến 17h00 ngày 05/05/2026.
- Thời gian, địa điểm thu hồ sơ (Trong giờ hành chính):
 - + Tại Trụ sở Công ty đấu giá Anh Phát: Từ 07h00 ngày 13/04/2026 đến 17h00 ngày 05/05/2026.



+ **Tại UBND xã Thạch Quảng:** Từ 07h00 ngày 13/04/2026 đến 17h00 ngày 05/05/2026.

10. Người được tham gia đấu giá, điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và cách thức đăng ký tham gia đấu giá

10.1 Người được tham gia đấu giá:

Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 125, Luật Đất đai 2024, thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

10.2. Điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:

- Người tham gia đấu giá phải thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định đã được nêu tại mục 10.1 nêu trên và theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai 2024 và có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 của Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

10.3. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá mua hồ sơ, đăng ký và xem tài sản đấu giá, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo thời gian quy định trong Thông báo và trong Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát ban hành.

11. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Bắt đầu từ 08h30 phút ngày 08/05/2026 tại Hội trường UBND xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: Thôn Phố, xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu ý: Người tham gia đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá trước thời gian bắt đầu phiên đấu giá 30 phút để thực hiện điểm danh vào phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá mang theo CC/CCCD/Hộ chiếu bản chính, Văn bản ủy quyền (nếu có). Thông báo này thay cho Giấy mời tham gia phiên đấu giá.

Khách hàng tham gia đấu giá tài sản nếu cần biết thêm thông tin chi tiết thì liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát qua số ĐT: 097.550.8686 (Trong giờ hành chính).

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (Để đăng thông báo);
- Công đấu giá tài sản Quốc gia (Để đăng thông báo);
- Báo và Phát thanh - Truyền hình thanh hóa (Để đăng thông báo);
- UBND xã Thạch Quảng (Để B/c);
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Công ty (Niêm yết, lưu hs, Văn thư).

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Quản Thị Hằng

**DANH MỤC 41 LÔ ĐẤT TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÔN QUẢNG THẮNG, QUẢNG CỘNG, XÃ THẠCH QUẢNG,
TỈNH THANH HÓA.**

(Kèm theo Thông báo số 06/TB-AP ngày 10/03/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Anh Phát)

STT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	Diện tích (m ²)	Giá đất theo Bảng giá đất (đồng/m ²)	Hệ số	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước 50% (đồng/lô)	Tiền bán hồ sơ đồng/hs	Ghi chú
1	LK-1:11	271,92	3.900.000	1,2	1.272.585.600	636.293.000	200.000	Đầu ve
2	LK-1:18	199,96	3.900.000	1,2	935.812.800	467.906.000	100.000	Đầu ve
3	LK-2:55	275,52	3.900.000	1,2	1.289.433.600	644.717.000	200.000	Đầu ve
4	LK-3:14	141,00	3.900.000	1,0	549.900.000	274.950.000	100.000	
5	LK-3:19	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
6	LK-3:24	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
7	LK-3:25	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
8	LK-3:27	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
9	LK-3:28	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
10	LK-3:29	374,03	3.900.000	1,2	1.750.460.400	875.230.000	200.000	Đầu ve
11	LK-4:01	253,14	3.900.000	1,0	987.246.000	493.623.000	100.000	
12	LK-4:03	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
13	LK-4:04	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
14	LK-4:05	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
15	LK-4:06	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
16	LK-4:07	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
17	LK-4:11	144,00	3.900.000	1,0	561.600.000	280.800.000	100.000	
18	LK-5:03	135,47	3.900.000	1,0	528.333.000	264.167.000	100.000	
19	LK-5:05	131,72	3.900.000	1,0	513.708.000	256.854.000	100.000	
20	LK-5:08	118,30	3.900.000	1,0	461.370.000	230.685.000	100.000	
21	LK-5:09	116,43	3.900.000	1,0	454.077.000	227.039.000	100.000	
22	LK-5:10	114,55	3.900.000	1,0	446.745.000	223.373.000	100.000	
23	LK-5:11	112,68	3.900.000	1,0	439.452.000	219.726.000	100.000	
24	LK-5:12	110,81	3.900.000	1,0	432.159.000	216.080.000	100.000	
25	LK-5:13	108,94	3.900.000	1,0	424.866.000	212.433.000	100.000	
26	BT-1:01	341,85	3.900.000	1,2	1.599.858.000	799.929.000	200.000	đầu ve

C. P. H.
T. Y.
I. A.
N. H.
I. A. T.
T. H. A. P.

27	BT-1:02	380,81	3.900.000	1,0	1.485.159.000	742.580.000	200.000	
28	BT-1:03	339,84	3.900.000	1,0	1.325.376.000	662.688.000	200.000	
29	BT-1:04	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
30	BT-1:05	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
31	BT-1:06	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
32	BT-1:07	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
33	BT-1:08	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
34	BT-1:09	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
35	BT-1:10	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
36	BT-1:11	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
37	BT-1:12	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
38	BT-1:13	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
39	BT-1:14	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
40	BT-1:15	330,00	3.900.000	1,0	1.287.000.000	643.500.000	200.000	
41	BT-1:17	308,52	3.900.000	1,2	1.443.873.600	721.937.000	200.000	đầu ve
TỔNG 41 LÔ		9.379,49			37.962.015.000	18.981.010.000		